CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tư vấn thiết kế và Phát triển đô thị

Ngày 31/12/2025	1,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**0%**	**0%**

DT thuần
Q4/25
6.51
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.11| 1.7%
YoY: ▲ 1.00| 18.2%

LN thuần
Q4/25
1.15
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.25| 28.1%
YoY: ▼0.96| -45.4%

LN sau thuế
Q4/25
1.15
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.25| 28.1%
YoY: ▼0.96| -45.4%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
9.5%
YoY: +/-▲ 18.1%

ROE
2025
1.1%
YoY: +/-▲ 2.0%

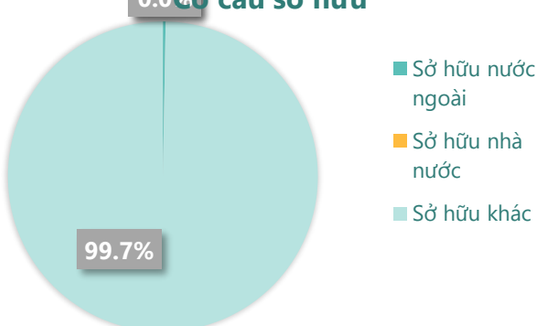
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,700 - 2,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	57
Số lượng CPLH (CP)	31,504,975
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,715
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	(0.02)
EPS	72
P/E	24.9

DT thuần
2025
24.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.80| 7.9%

LN thuần
2025
2.27
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.11| 223%

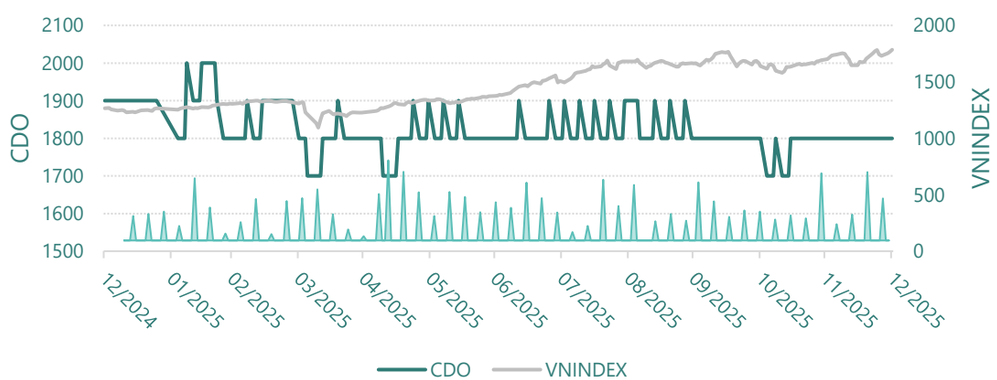
LN sau thuế
2025
2.27
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4.20| 218%

Cơ cấu sở hữu

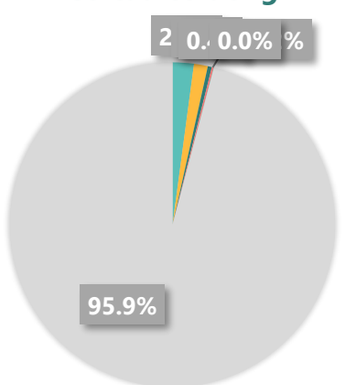


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



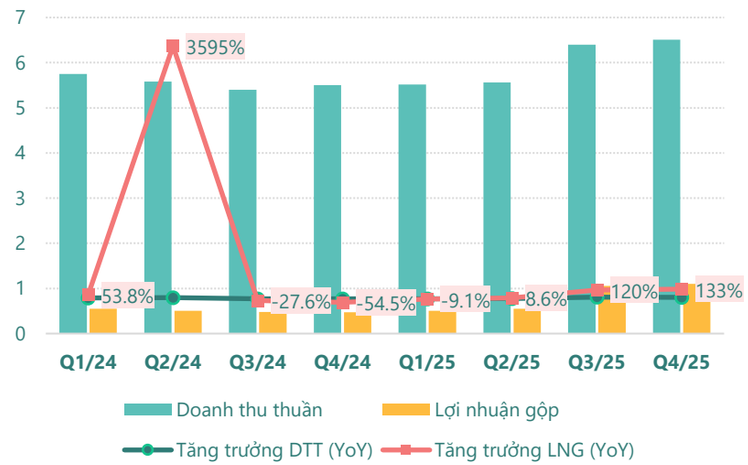
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

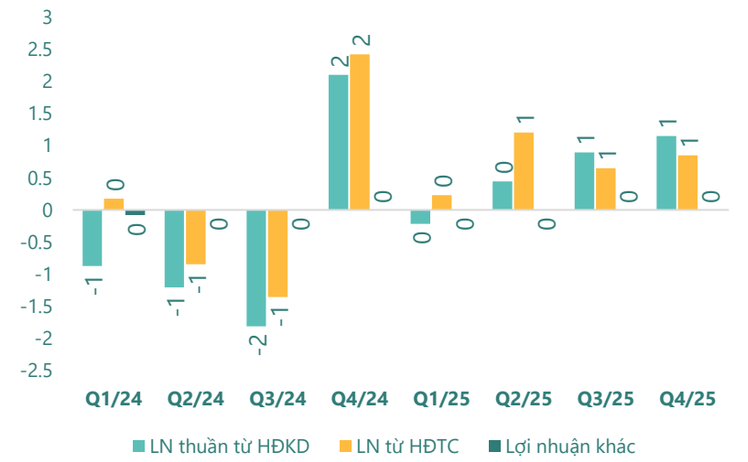
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



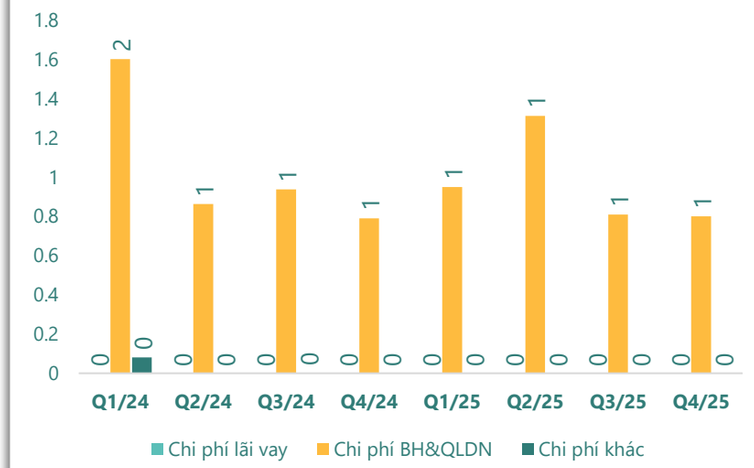
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



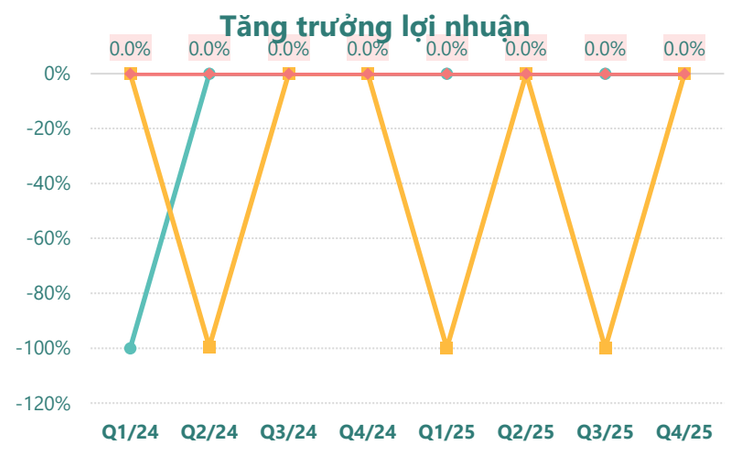
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



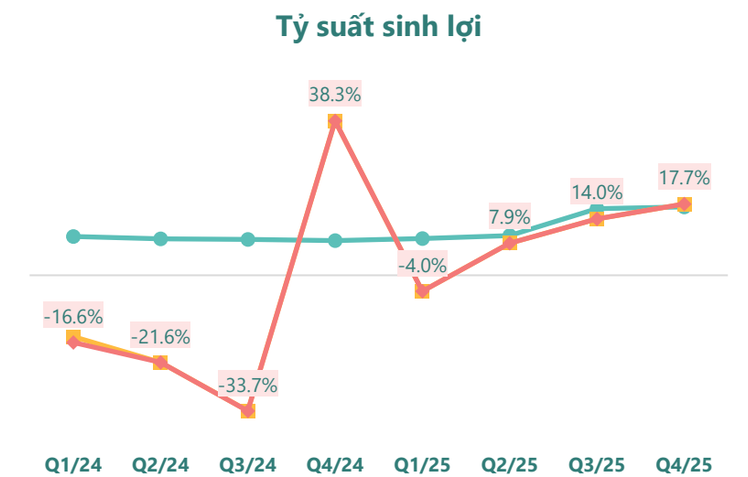
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



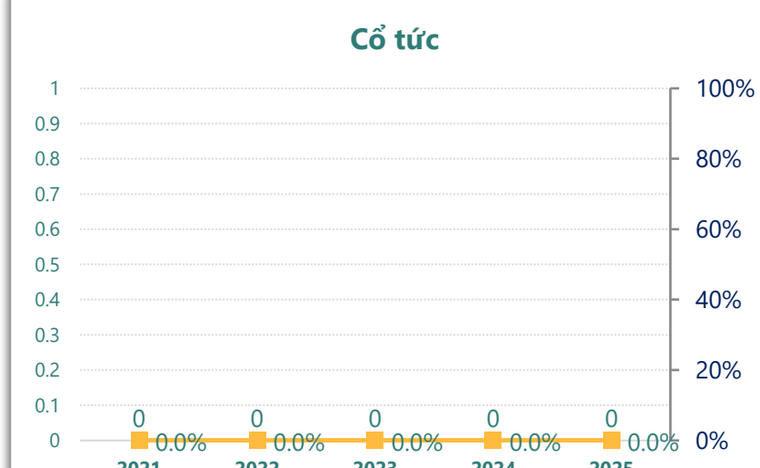
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

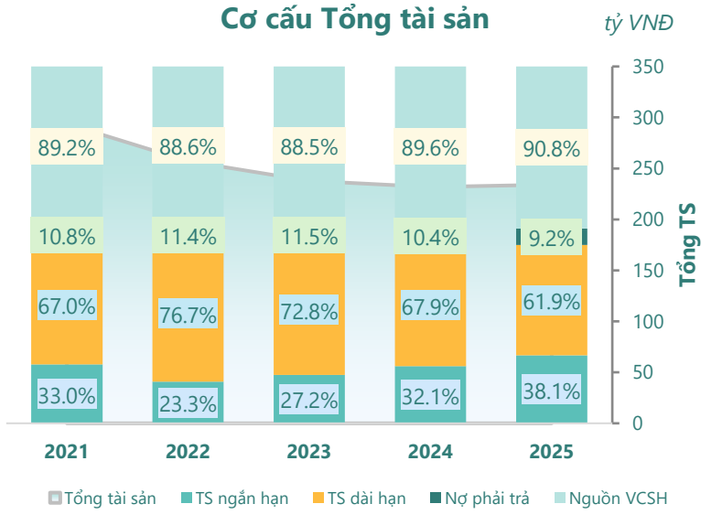
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

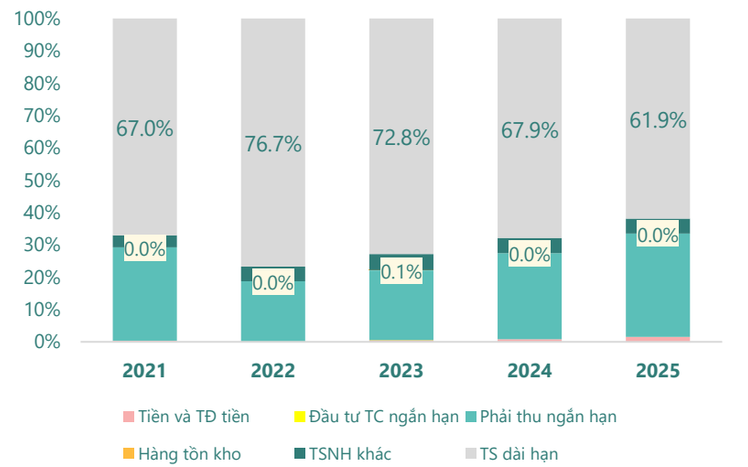
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



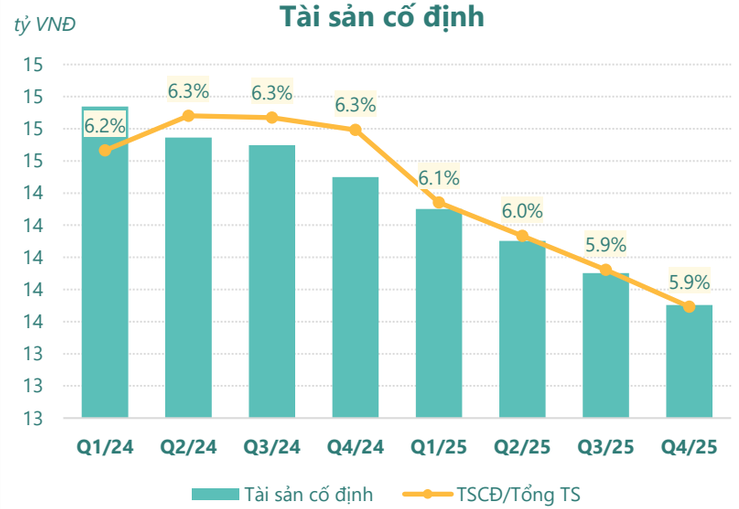
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



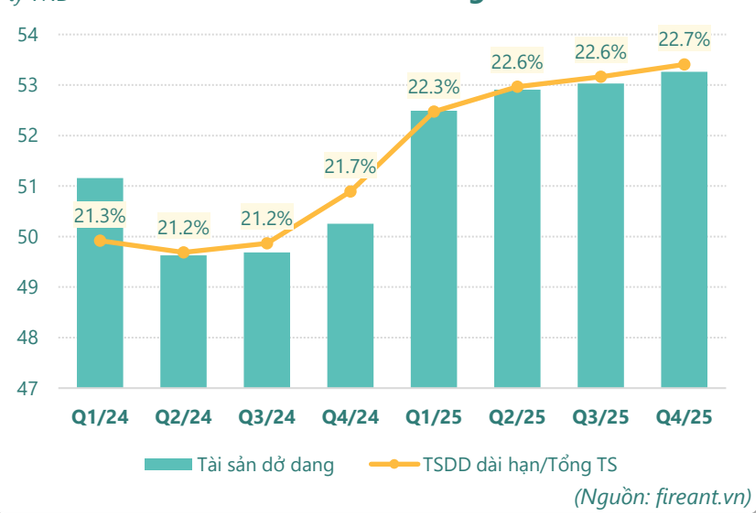
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



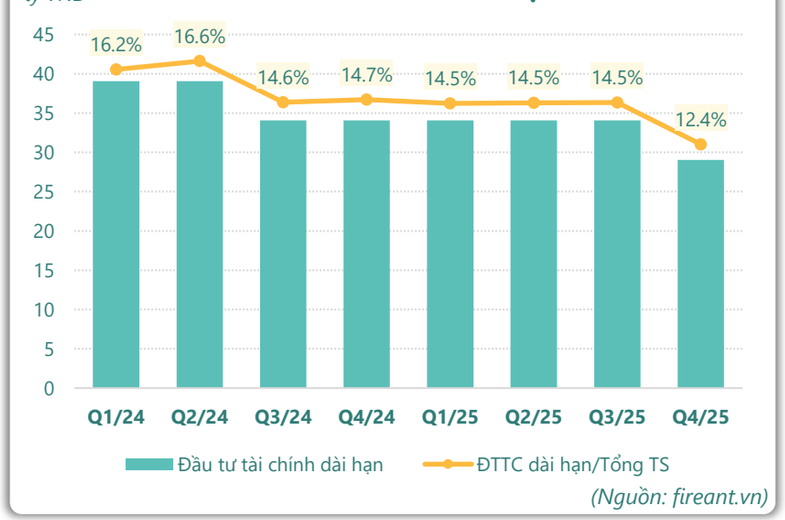
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



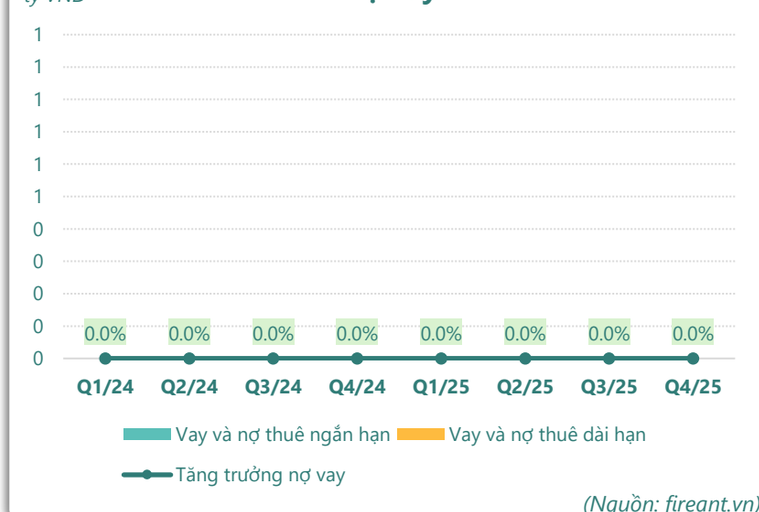
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

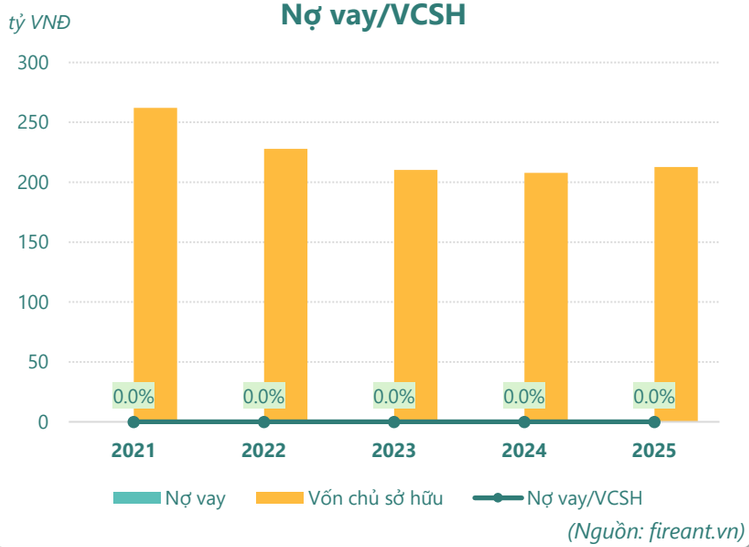
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



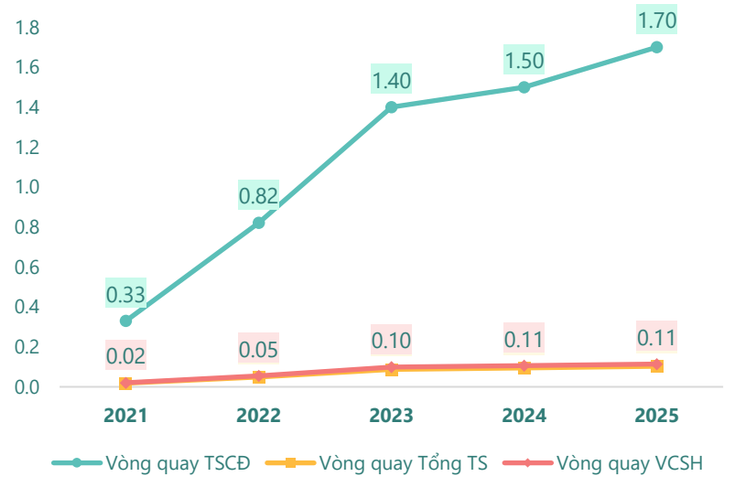
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



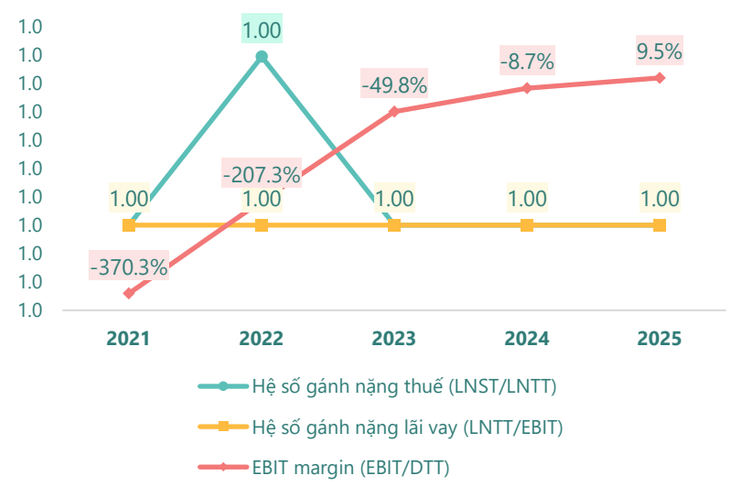
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



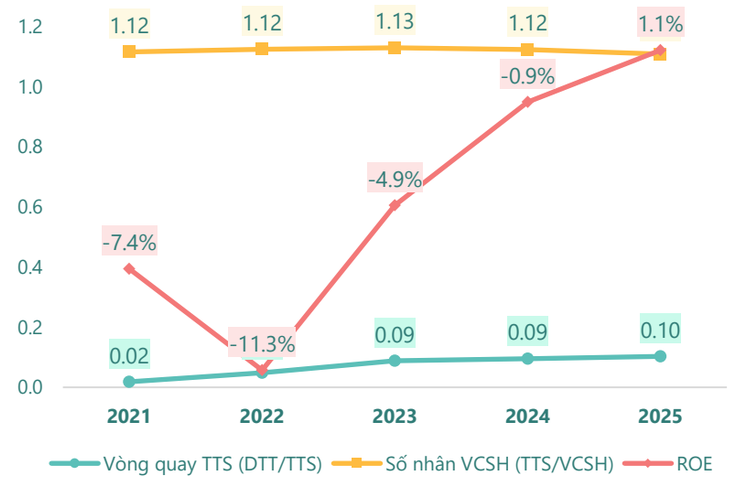
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



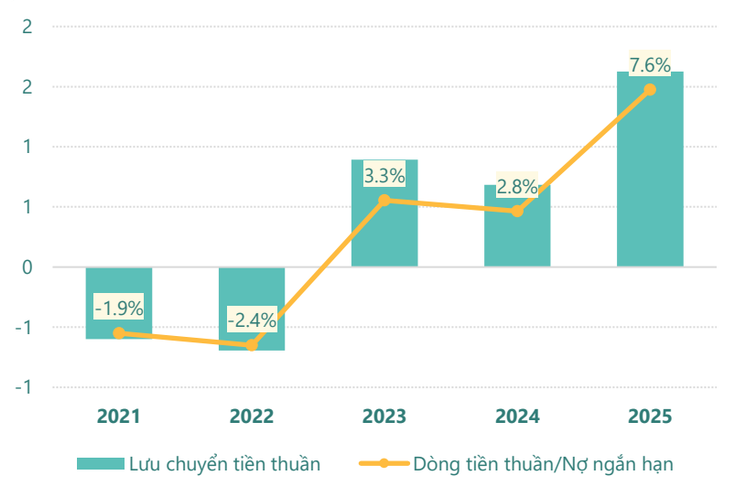
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**6.51**	**5.51**	**18.2%**	**24.0**	**22.2**	**7.9%**
Giá vốn hàng bán	5.41	5.03	7.5%	20.8	20.2	3.1%
Lợi nhuận gộp	1.10	0.47	135%	3.21	2.08	54.7%
Doanh thu HĐTC	0.17	2.27	-92.5%	2.98	6.08	-51.0%
Chi phí TC	-0.68	-0.15	-353%	0.05	5.82	-99.2%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.80**	**0.79**	**1.4%**	**3.87**	**4.18**	**-7.4%**
LN thuần từ HĐKD	1.15	2.11	-45.4%	2.27	-1.84	223%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0.00**	**-0.08**	**99.4%**
LN trước thuế	1.15	2.11	-45.4%	2.27	-1.93	218%
Lợi nhuận sau thuế	**1.15**	**2.11**	**-45.4%**	**2.27**	**-1.93**	**218%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.15**	**2.11**	**-45.4%**	**2.27**	**-1.94**	**217%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.46	0.07	3.67	-0.38	0.13	-3.78
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	4.94	-0.57	-2.24	-0.42	-0.12	4.77
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.90	2.39	1.89	3.31	2.52	2.52
Lưu chuyển tiền thuần	**1.48**	**-0.50**	**1.43**	**-0.80**	**0.00**	**0.99**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.39	1.89	3.31	2.52	2.52	3.51

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**234**	**232**	**1.0%**
Tài sản ngắn hạn	89.3	74.4	20.0%
Tiền và tương đương tiền	3.51	1.89	86.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	75.0	61.6	21.6%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	10.8	10.9	-0.9%
Tài sản dài hạn	**145**	**157**	**-8.0%**
Phải thu dài hạn	48.8	58.6	-16.7%
Tài sản cố định	13.7	14.5	-5.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	53.3	50.3	6.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	29.1	34.1	-14.7%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0.03	0.05	-38.7%
Nợ phải trả	21.5	24.1	-10.5%
Nợ ngắn hạn	**21.5**	**24.1**	**-10.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	5.25	5.39	-2.5%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**213**	**208**	**2.3%**
Vốn chủ sở hữu	**213**	**208**	**2.3%**
Vốn điều lệ	315	315	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)